

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGÔ QUYỀN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 10-7-2020  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Hảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lý Thị Thiên Nga

Bà Vũ Thị Kim Anh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Thanh H; nơi cư trú: Đường L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Phạm Thanh T; nơi cư trú: Đường L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 02 năm 2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phạm Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới

theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 3 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu niềm tin với nhau, anh T không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Anh T còn vay nợ nhiều người, có người còn đến nhà để đòi nợ. Chị H đã khuyên ngăn và trả nợ cho anh T nhiều lần nhưng đến nay anh T vẫn không thay đổi. Chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phạm Thanh T có hai con chung là Phạm Quang Huy, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1998 và Phạm Quang Bảo, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2000. Hai con đều đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi được lời khai của anh T và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Phạm Thanh T. Về con chung, chị H và anh T có hai con chung là Phạm Quang Huy, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1998 và Phạm Quang Bảo, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2000, đều đã trưởng thành, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về việc chia

tài sản, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Phạm Thanh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, anh Phạm Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Phạm Thanh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phạm Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của chị H và anh T qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập là đúng với thực tế, thể hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T đều không tham gia hoà giải, điều đó cho thấy anh T không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của chị H, không thực sự mong muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục chung sống. Như vậy trên thực tế, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[4] Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phạm Thanh T có hai con chung là Phạm Quang Huy, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1998 và Phạm Quang Bảo, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2000, đều đã trưởng thành, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[5] Chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Phạm Thanh T.

2. Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phạm Thanh T có hai con chung là Phạm Quang Huy, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1998 và Phạm Quang Bảo, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2000 đều đã trưởng thành, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003270 ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Phạm Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- UBND phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKHK ngày 02/3/1998);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Hảo**